TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3 (LILAMA 45.3, JSC)
Địa chỉ: Lô 4k' - Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi.
Tel: 0255.3710320; Fax: 0255.3710313.
Email: info@lilama45-3.com; Website: www.lilama45-3.com

LILAMA 45-3

ISO 9001:2008

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017

(Ban hành theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Quảng Ngãi, tháng 3/2018

Ký bởi đơn vị: PHẠM VĂN THÌN
Ký ngày: 02/04/2018 10:11:15

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3
----------****----------

LILAMA 45.3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

NĂM 2017

MỤC LỤC

I.	**THÔNG TIN CHUNG**	
1.	Thông tin khái quát	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển	2
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
4.	Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5.	Định hướng phát triển	7
6.	Các rủi ro	8
II.	**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**	**10**
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2.	Tổ chức và nhân sự	11
3.	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư	16
4.	Tình hình tài chính	16
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	17
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	19
III	**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**	**20**
1.	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD	20
2.	Tình hình tài chính	21
3.	Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách quản lý	23
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	24
IV.	**ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**	**26**
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	26
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	27
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	28
V.	**QUẢN TRỊ CÔNG TY**	**28**
1.	Thành viên Hội đồng quản trị	28
2.	Ban kiểm soát	35
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	37
VI	**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**	**39**
1.	Ý kiến của kiểm toán	39
2.	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm 24 trang đính kèm	39

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

TÊN CÔNG TY	: **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4400135344	
Vốn điều lệ	: 35.000.000.000đồng
Địa chỉ	: Lô4K, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi.
Số điện thoại	: 0255.3710 321
Số FAX	: 0255.3710 313
Website	: www.Lilama45- 3.com
Mã cổ phiếu	: L43

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3 (Doanh nghiệp Nhà nước) thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 010A/BXD ngày 27/01/1993 của Bộ xây dựng.

- Theo Quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp đổi mới phát triển các Tổng công ty nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng Công ty Lắp máy Việt nam gửi các công ty thành viên về việc thực hiện cổ phần hoá các Công ty thành viên năm 2005. Công ty lắp máy và Xây dựng 45.3 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 1810/QĐ-BXD ngày 21/09/2005 với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2005 là 4.565.889.766 đồng.

- Ngày 11/11/2005 Bộ xây dựng có Quyết định số 2112/QĐ-BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam với số vốn điều lệ 6.815.000.000đồng (Vốn nhà nước chiếm 51%)

- Ngày 24/03/2006 Công ty Cổ phần Lilama 45.3 chính thức được thành lập theo Quyết định số 497/QĐ-BXD của Bộ trưởng BXD với số vốn điều lệ là: 6.815.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 3.476.000.000 đồng (Chiếm 51%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 3.339.000.000 đồng (Chiếm 49%). Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15 tháng 05 năm 2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 340300084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

- Ngày 22/03/2007 Bộ xây dựng có Quyết định số 454/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2006 để bàn giao doanh nghiệp nhà nước: Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 45.3.

- Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC), đến ngày 01/07/2007 vốn điều

lệ của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã tăng lên 35.000.000.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 51%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29 tháng 05 năm 2007.

- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ hai ngày 27 tháng 12 năm 2007, thay đổi giấy phép lần thứ ba vào ngày 20 tháng 03 năm 2008, và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ tư vào ngày 06 tháng 08 năm 2009 để thay đổi người đại diện pháp luật tại doanh nghiệp.

- Ngày 08/04/2008 Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 128/QĐ - TTGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3. Ngày 11/06/2008 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (L43) chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trong năm 2016, Công ty đã giải thể chi nhánh công ty tại Hà Nội.

- Thực hiện tái cấu trúc sở hữu theo đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Công ty giai đoạn 2012-2015, từ 2016 đến 2020, định hướng đến năm 2025 đến thời điểm hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là: 35.000.000.000 tỷ đồng. trong đó: vốn nhà nước chiếm 40,83% (tương đương 1.429.000 CP), các cổ đông khác chiếm 59,17% (tương đương 2.071.000 CP).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, thuỷ điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp), đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng và thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hoá chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp; Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; Tư vấn khảo sát thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệp, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; Chống ăn mòn bề mặt kim loại; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các công trình công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng và hoạt động vui chơi giải trí; vận tải hàng hoá bằng đường bộ và vận tải hành khách đường bộ khác

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế tạo, lắp đặt, tư vấn đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp.

+ Địa bàn kinh doanh:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Trụ sở/ Chi nhánh	Địa điểm
Trụ sở chính	Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong

	Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh	Khu bãi chứa thiết bị và kỹ thuật Lilama tại Dung Quất
Chi nhánh	Trung tâm tư vấn thiết kế Lilama 45.3 – Lô4 K Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi

Chủ yếu các công trình trải dài từ Miền Bắc như: TĐ Bắc Mê – Hà Giang; TĐ Trung Thu - Điện Biên; dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy Gang thép Thái Nguyên; Nhà máy nhiệt điện Thái Bình. Các công trình từ Miền trung và Tây Nguyên như: TĐ Trung Sơn – Thanh Hóa; Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn Thanh Hóa, TĐ Cẩm Thuỷ - Thanh Hoá; TĐ Bản Ang - Nghệ An; TĐ Sông Tranh 3 (Quảng Nam), TĐ Sơn Tây - Quảng Ngãi; TĐ ĐăkRe – Kon Tum; TĐ Đăk Pô Cô – Kon Tum; dự án mở rộng nhà máy đường KCP Sơn Hòa – Phú Yên, nhà máy điện gió Trung Nam – Ninh Thuận đến công trình tại TP Hồ Chí Minh như: Dự án giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh và thi công dự án nhà máy thuỷ điện Tàdchid - Lào vv..

4. Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý

Ghi chú:

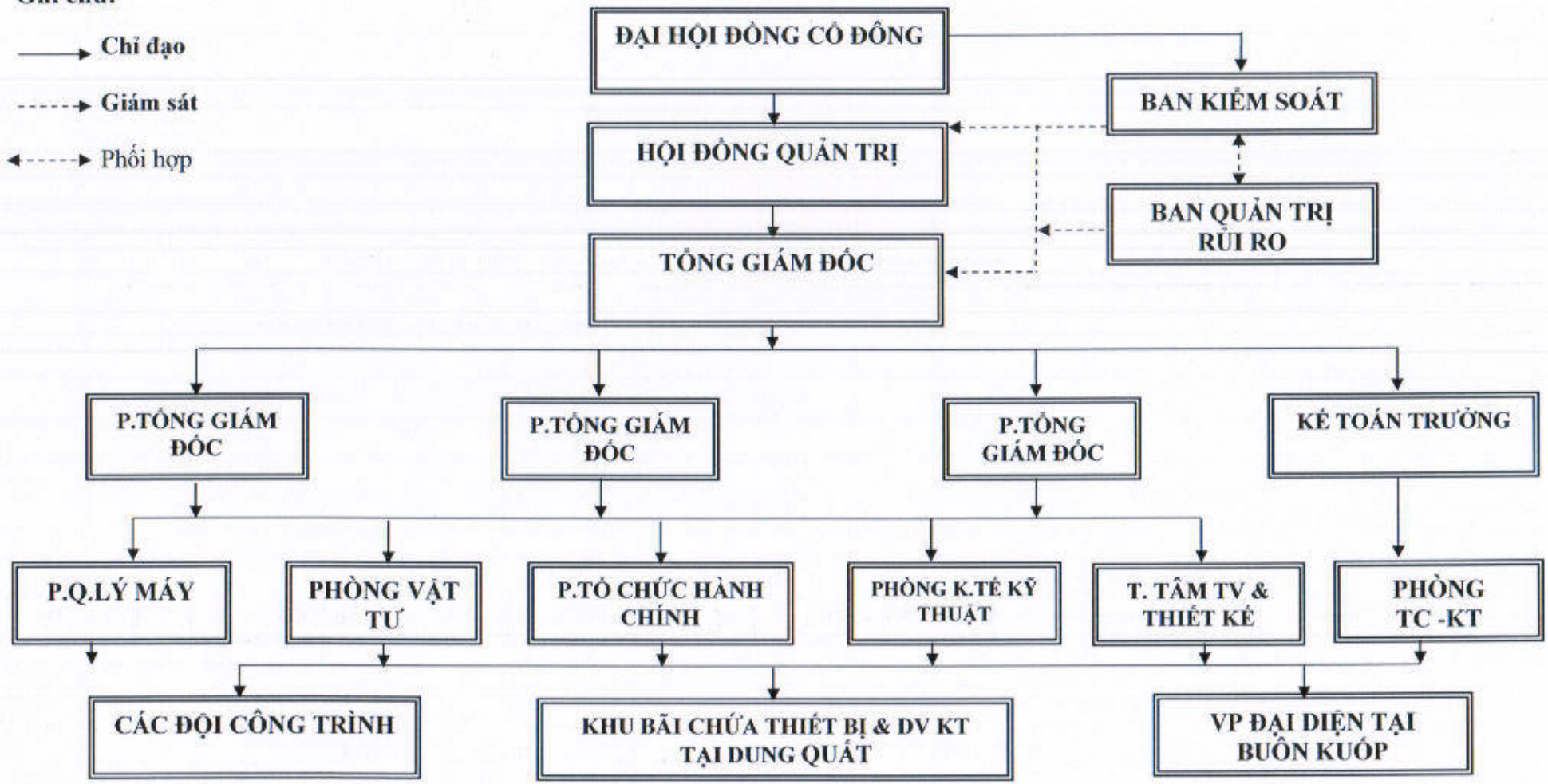

4.1- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần Lilama 45.3 thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán bao gồm:

* Đại hội đồng cổ đông:
* Hội đồng quản trị:
* Ban kiểm soát
* Ban Tổng Giám đốc
* Các bộ phận quản lý

4.2 – Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty Cổ phần Lilama 45.3 đến ngày 31/12/2017 gồm Ban Tổng Giám đốc; 05 phòng ban; 01 trung tâm tư vấn thiết kế; 01 văn phòng điều hành tại Buôn Kuốp – ĐăkLăk; 01 khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất và 15 đội công trình trực thuộc Công ty.

+ Ban Tổng Giám đốc
+ Phòng Tổ chức hành chính
+ Phòng Tài chính kế toán
+ Phòng Vật tư thiết bị
+ Phòng Kinh tế kỹ thuật
+ Phòng Quản lý máy
+ Khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Dung Quất
+ 15 đội công trình trực thuộc gồm:

- Đội công trình Nhà máy thủy điện Trung Thu
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Trung Sơn
- Đội công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình
- Đội công trình Nhà máy gang thép Thái Nguyên
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Đăk PôCô
- Đội công trình Nhà máy thủy điện ĐăkRe
- Đội công trình nhà máy lọc dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa.
- Đội công trình mở rộng nhà máy đường KCP Sơn Hòa
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Bắc Mê – Hà Giang
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Bản Ang – Nghệ An
- Đội công trình Nhà máy đường Đăk Lăk.
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Tà Chiad – Lào
- Đội công trình Nhà máy điện gió Trung Nam – Ninh Thuận
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Sơn Tây - Quảng Ngãi
- Đội công trình Giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh

+ Các Công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có
- Công ty dưới 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, Công ty nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP nắm giữ 1.429.000 cổ phần chiếm 40,83% vốn điều lệ.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Năm 2017 chưa thoái được vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn, năm 2018 sẽ tiếp tục thực hiện.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan:

**** Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP***

Công ty nắm giữ dưới 51% vốn cổ phần của Công ty CP Lilama 45.3 là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106313 cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh chính: Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường giao dây trạm biến thế điện...

5. Định hướng phát triển

*** Mục tiêu tổng quát:**

Xây dựng Công ty cổ phần Lilama 45.3 là doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, hướng tới tăng trưởng bền vững trở thành đối tác chuyên nghiệp và đáng tin cậy. Nâng cao sức cạnh tranh, bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu hút và phát triển nguồn lực, đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp để đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

Phát triển theo định hướng của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP (LILAMA), trong đó phát triển tập trung chuyên sâu vào nhóm ngành EPC dầu khí (lọc hóa dầu, giàn khoan dầu khí, công nghệ chế biến, khác..). Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp thông qua tái cấu trúc để Công ty có thể phát triển bền vững.

*** Mục tiêu cụ thể:**

- Mục tiêu thị trường sản phẩm: Duy trì thị trường truyền thống Gia công, chế tạo cung cấp dịch vụ lắp đặt thiết bị là chủ yếu, tích cực tìm kiếm và chiếm lĩnh các thị trường mới. Luôn cung cấp các sản phẩm có chất lượng ra thị trường, được khách hàng tín nhiệm.

- Mục tiêu tài chính: Lựa chọn thời điểm thích hợp để tăng vốn điều lệ, đảm bảo có lợi nhuận để chi trả cổ tức và tái đầu tư phát triển, quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng trong nước để đảm bảo thu xếp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Mục tiêu con người: Xây dựng và phát triển lực lượng cán bộ quản lý có trình độ, có tầm nhìn xa, có đạo đức tác phong nghề nghiệp. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công nhân tay nghề cao có thể chế tạo được những thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc tế và vận hành tốt các nhà máy công nghiệp theo chế độ tự động hóa cũng như các thiết bị tiên tiến của thế giới.

- Tạo ra mô hình cải cách: làm thay đổi một cách toàn diện về quy mô phù hợp với vai trò của Công ty trong lĩnh vực phát triển có sự phân công chuyên môn ngành nghề, đồng thời cũng cố sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, tăng quy mô về vốn, đầu tư, điều chỉnh cơ chế hoạt động, quản lý, bố trí lại nguồn lực, xây dựng mô hình quản trị

doanh nghiệp phù hợp với thực tế của LILAMA 45.3, tận dụng tối ưu các nguồn lực, cải thiện tình hình tài chính, tăng sức mạnh cạnh tranh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- **Chiến lược phát triển kinh doanh**

Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính là: Xây lắp và gia công chế tạo thiết bị, trong đó xác định sẽ tập trung chuyên sâu vào nhóm ngành EPC (lọc hóa dầu, giàn khoan dầu khí, công nghệ chế biến, khác) là nhóm ngành kinh doanh chính có tầm quan trọng chiến lược, có tiềm năng tăng trưởng và cạnh tranh.

- **Chiến lược hoàn thiện phương thức quản lý, điều hành và mô hình quản trị:**

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản trị và điều hành.

- Hoàn thiện mô hình quản lý xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, mô hình quản lý đầu tư, quản lý nhân sự, người đại diện tại đơn vị góp vốn, xây dựng cơ chế đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các dự án lớn.

- **Chiến lược tài chính:**

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế của Công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán.

- Xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro trong hoạt động tài chính.

- Có các giải giáp nâng cao năng lực cán bộ trong công tác tài chính, kế toán.

- Và các nội dunng khác có liên quan.

6. Các rủi ro:

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 là xây lắp và gia công chế tạo thiết bị luôn chứa đựng nhiều tiềm ẩn và rủi ro. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tăng lợi thế cạnh tranh, Công ty luôn coi việc quản lý rủi ro như một phần trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

6.1. Rủi ro về pháp luật:

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần trở thành công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mọi hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định về đất đai môi trường v.vv.... Do vậy trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ liên quan đến ngành Xây - lắp nói chung cũng như việc triển khai hướng dẫn các thay đổi về chế độ chính sách của các cơ quan ban, ngành điều chỉnh không kịp thời, đồng bộ cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.2. Rủi ro đặc thù ngành và công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường

Do đặc thù ngành Xây - lắp thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần theo giai đoạn, hoạt động lắp thiết bị rất phức tạp điều kiện làm việc ngoài trời với chi phí cao và chịu nhiều rủi ro hình thành từ điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó phải phụ thuộc vào tiến độ cung cấp thiết bị của Chủ đầu tư, việc bàn giao mặt

bằng của đơn vị xây dựng làm kéo dãn tiến độ của hợp đồng cũng như tăng chi phí đầu vào.

Do điều kiện làm việc ngoài trời việc thi công đều ở trên cao nên nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố lắp đặt. Là ngành đặc thù có nhiều lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động và độc hại, nguy hiểm. Để hạn chế các rủi ro trong thi công, Công ty cần phải quan tâm đến vấn đề hướng dẫn về an toàn lao động và trang bị đầy đủ cho công nhân trên các công trường, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm, các biện pháp an toàn lao động trước khi triển khai thi công. Để hạn chế rủi ro trong quá trình thi công Công ty cần thực hiện mua bảo hiểm cho xe, cẩu và con người trên các công trường.

Thời gian quyết toán và thu hồi vốn các công trình xây lắp thường kéo dài, tác động rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm bớt rủi ro trong công tác thu hồi vốn cần đốc thúc khách hàng trong việc thanh toán công nợ, tránh tồn đọng công nợ.

6.3. Rủi ro về nhân sự:

Công ty cổ phần Lilama 45.3 luôn đào tạo nguồn nhân lực và tổ chức nhân sự là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty. Tuy nhiên việc bị các đối thủ cạnh tranh trên thị trường lôi kéo, chào mời với mức đãi ngộ hấp dẫn hơn là điều khó tránh khỏi, do vậy ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng tới môi trường làm việc, mức lương thưởng cho đội ngũ CBCNV và người lao động yên tâm công tác. Đồng thời tiếp tục đào tạo nguồn cán bộ kế cận trong giai đoạn tiếp theo để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển bền vững.

6.4. Rủi ro về thị trường:

Nước ta ra nhập các tổ chức thương mại quốc tế WTO, TPP sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, việc mở rộng thị trường sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài cạnh tranh về kỹ thuật, máy móc thiết bị và trình độ tay nghề với các doanh nghiệp trong nước.

6.5. Rủi ro về đối tác và khách hàng.

Trước khi tham gia đấu thầu hoặc nhận thầu các dự án, Ban điều hành công ty cùng các bộ phận chủ chốt khác sẽ có đánh giá chi tiết, cụ thể tiềm lực tài chính của Chủ đầu tư, nguồn vốn cho dự án. Có thực hiện triệt để các công tác này mới đảm bảo các dự án có hiệu qủa, tránh tình trạng rủi ro chủ đầu tư chiếm dụng vốn và ảnh hưởng đến công tác thu hồi vốn toàn công ty.

6.6. Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh dịch bệnh...đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như làm chậm tiến độ gây thiệt hại đến các hạng mục công trình đang thi công.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1, Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017: *ĐVT: 1000đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2016
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	520.650	431.486	82,9	111,1
2	Tổng doanh thu	400.500	331.912	82,9	171,0
3	Lợi nhuận trước thuế	4.700	1.496	31,8	324,3
4	Nộp ngân sách	13.600	16.040	117,9	323,4
5	Đầu tư XDCB	20.500	5.312	25,9	59,2
6	Tổng quỹ lương	116.145	74.759	64,4	92,5
7	Lao động bình quân	1.200	751	62,6	87,4
8	Thu nhập BQ (người/tháng)	8,000	8,326	104,1	105,6
9	Dự kiến cổ tức (%)	5%	0		

Trong năm 2017 doanh thu đạt 82,9 % so với kế hoạch và tăng 71% so với thực hiện năm 2016, lợi nhuận sau thuế đạt 11,4 % so với kế hoạch năm, do nhiều nguyên nhân trong đó có chỉ tiêu doanh thu không đạt do dự án chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh kéo dài tiến độ thi công.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

➢ **Thuận lợi**

- Năm 2017 nền kinh tế trong nước tiếp tục tăng trưởng, lãi suất cho vay ổn định và giảm nhiều so với các năm trước.

- Được các đối tác ghi nhận là một đơn vị có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực chế tạo kết cấu thép và lắp đặt máy móc thiết bị cho các công trình thủy điện, nhiệt điện và lọc hóa dầu…Do vậy từ đầu năm 2017 đến cuối năm Công ty đã ký được các hợp đồng kinh tế với giá trị trên 955 tỷ đồng.

- Công ty đã có định hướng tái cơ cấu lại tổ chức và hoạt động thông qua đề án tái cấu trúc và đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam trong việc hỗ trợ thanh toán và tổ chức quản lý thi công các dự án lớn.

- Sự đoàn kết nhất trí cao trong Ban lãnh đạo Công ty kết hợp chặt chẽ của các tổ chức Đoàn thể trong Công ty quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn.

➢ **Khó khăn.**

- Tình hình kinh tế trong nước tuy ổn định hơn so với năm 2016, nhưng thời tiết bão lụt luôn ảnh hưởng đến tiến độ thi công của Công ty.

- Sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp tư nhân ở lĩnh vực xây lắp và chế tạo thiết bị là đối thủ cạnh tranh gay gắt của Công ty trong quá trình tìm kiếm việc làm và mở rộng thị trường.

- Tình hình tài chính tiếp tục khó khăn, hàng tồn kho, nợ phải thu và phải trả cao, vốn điều lệ thấp (35 tỷ đồng) do vậy các Tổ chức tín dụng kiểm tra và xây dựng hạn mức với các điều kiện khắt khe, giá trị còn lại của tài sản cố định thấp và không có tài sản đảm bảo nên phải thực hiện ký quỹ bảo lãnh dẫn đến thiếu vốn cho SXKD.

- Công tác đối chiếu thanh quyết toán dự án Gang thép Thái Nguyên và bù giá cho khối lượng phát sinh đã thi công dự án Hangar A75 thực hiện quá chậm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính dẫn đến việc thẩm định cho vay ngắn hạn các dự án của Công ty càng trở lên khó khăn hơn.

- Công tác quản lý và điều hành còn nhiều hạn chế do các công trình phân tán nhiều nơi, nhiều vùng có địa lý khác nhau dẫn đến chi phí di chuyển máy móc thiết bị, con người ngày càng tăng, ngoài ra Dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh có giá trị hợp đồng rất lớn so với khả năng tài chính và năng lực điều hành thi công.

- Trong quá trình đấu thầu và triển khai thi công công trình, chưa lường hết được các yếu tố trong đấu thầu, bóc dự toán còn thiếu dẫn đến phát sinh các chi phí chưa được phê duyệt dẫn đến nghiệm thu, quyết toán kéo dài.

- Chưa thoái được hết vốn đầu tư ngoài ngành để bổ sung vốn lưu động, bên nhận chuyển nhượng chưa thanh toán hết số tiền thiếu 21,1 tỷ đồng, việc chuyển nhượng vốn phải kéo dài sang năm 2018.

2. Tổ chức và nhân sự :

*** Danh sách Ban điều hành:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1.	Hoàng Việt	TGĐ	55.000	1,57%	
2.	Trần Quang Du	PTGĐ	27.000	0,77%	
3.	Mạc Thanh Hải	PTGĐ	17.700	0,51%	
4.	Phạm Văn Thìn	PTGĐ	35.000	1,00%	
5.	Cù Thanh Nghị	KTT	2.000	0,06%	
6.	Vũ Quang Thể	TP vật tư	10.000	0,29%	
7.	Liên văn Chánh	TP KT-KT	16.500	0,46%	
8.	Lê Ánh Thành	TP TC-HC	2.000	0,06%	

9.	Nguyễn Xuân Tín	TP QLM	5.200	0,15%	
10.	Nguyễn Ngọc Lộng	GĐ TT TVTK	5.000	0,14%	

2.1 Ban Tổng giám đốc.

Ông Hoàng Việt	**Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc**
Năm sinh:	21/09/1973
Nơi sinh:	Phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Tây
Địa chỉ thường trú:	Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác	
03/1998 – 09/1999	Kỹ thuật thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
09/1999 – 12/2000	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
01/2001 – 04/2006	Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
05/2006 – 07/2009	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3
08/2009 – T10/2015	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty.
T10/2015 – nay	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3.
Ông Trần Quang Du	**Phó Tổng giám đốc**
Năm sinh:	05/08/1970
Nơi sinh:	Bệng viện thị xã Tuyên Quang.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Yên Sơn - Thị xã Tuyên Quang.
Địa chỉ thường trú:	15/40 đường Bà Triệu, phường Lê Hồng Phong, thành Phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
1997 – 1998	Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7
1998 – T09/2009	Đội trưởng các công trình thuộc Công ty CP LILAMA 45.3
T10/2009 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3
Ông Mạc Thanh Hải	**Phó Tổng giám đốc**
Năm sinh:	16/06/1975
Nơi sinh:	Đồng Lưu – Yên thế - Bắc Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Nùng
Quê quán:	Đồng Lưu – Yên Thế - Bắc Giang
Địa chỉ thường trú:	Lô 4K Tôn Đức Thắng – Thành Phố Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
T11/1999 – 2000	Kỹ thuật CT NM thuỷ điện Đa My Công ty LM & XD 45.3
2000	Quản lý dự án Phòng KT-KT
2001	Phó chỉ huy trưởng CTNM đường Trà Vinh
2002	Chỉ huy trưởng NM Bông Tâm Thắng
2003	Phó chỉ huy trưởng CT NM nhiệt điện Phú Mỹ 4
T08/2003 – 2004	Giám đốc nhà máy CK Lilama 45.3, kiêm chỉ huy trưởng CT nhà máy thuỷ sản Nha Trang
2004	Phó chỉ huy trưởng CT Nm xi măng Sông Gianh
T11/2005 – 2008	Phó chỉ huy trưởng CT Nm thuỷ điện Buôn Kuốp
T01/2009 – T03/2010	Chỉ huy trưởng CT Nm thuỷ điện Buôn Kuốp
T04/2010 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3
Ông Phạm Văn Thìn	**Phó Tổng giám đốc**
Năm sinh:	26/12/1975

Nơi sinh:	Xã Tây Hiếu – TX Thái Hoà - Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hưng Xuân – Hưng Nguyên - Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	163 An Dương Vương, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
T4/2004-T11/2004	Nhân viên phòng TC- KT Công ty Lắp máy & XD số 18
T12/2004-T02/2008	Nhân viên phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T03/2008-T07/2009	Phó phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2009 – T07/2010	Trưởng phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2010 –T07/2016	TV HĐQT - Kế toán trưởng Công ty
T07/2016 - nay	Thành viên HĐQT – Phó TGĐ Công ty CP LILAMA 45.3

2.2 Kế toán trưởng.

Ông Cù Thanh Nghị	Kế toán trưởng
Năm sinh:	19/09/1983
Nơi sinh:	Vĩnh Châu - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Vĩnh Châu - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	Vĩnh Châu - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
2004-2010	Nhân viên phòng TC-KT Công ty cổ phần Lilama 45.3
2011-T12/2016	Phó phòng TC-KT, Công ty cổ phần Lilama 45.3
T07/2016 - nay	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Lilama 45.3

+ Thay đổi trong Ban điều hành Công ty trong năm:

- Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với Ông Huỳnh Lê Hoà kể từ ngày 01/04/2017 để nghỉ hưu theo chế độ.

+ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động đến 31/12/2017 là 687 người; trong đó: nam 673 người, 14 nữ, kỹ sư và cử nhân 116 người.

+ Chính sách đối với người lao động:

**Về tiền lương và giải quyết chế độ cho người lao động :*

- Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương trên cơ sở gắn tiền lương với hiệu quả công việc và năng suất lao động. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

- Thực hiện chế độ thi nâng bậc và nâng lương, chế độ ốm đau, thai sản , nghỉ hưu cho CBCNV - Người lao động trong công ty theo đúng quy định.

- Công tác BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

** Về công tác đào tạo:*

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí mở các lớp đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Định kỳ tổ chức các lớp học thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

**Về chính sách khen thưởng:*

Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

** Công tác đời sống đối với CBCNV:*

- Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.

- Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát.

- Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ cho các gia đình là con em liệt sỹ kịp thời, đúng đối tượng, thực hiện tốt công tác xã hội tại địa phương.

3. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

a, Các dự án đầu tư:

* Dự án khu kho bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất: dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, đã quyết toán trong Quý II năm 2014 để hình thành tài sản và đang chuẩn bị quyết toán giai đoạn 2.

* Dự án đầu tư thiết bị phương tiện thi công từ năm 2009 đến năm 2020: Đã đầu tư mua sắm thiết bị và nâng cao năng lực thiết bị thi công trong năm 2017 là 2,5 tỷ đồng, đồng thời sửa chữa, tận dụng thiết bị hiện có để thi công các công trình, tránh đầu tư dàn trải gây lãng phí và đầu tư không hiệu quả.

* Dự án đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn: 25,6 tỷ đồng, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua phương án thoái toàn bộ vốn đã góp. Tuy nhiên đến ngày 31/12/2017 Công ty mới được tạm ứng số tiền 05 tỷ đồng, do vậy Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm đối tác để thoái vốn tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn.

* Dự án đầu tư tài sản cố định thông qua thuê mua tài chính 27,6 tỷ đồng, đã thực hiện thuê mua tài chính luỹ kế đến 31/12/2017 là: 13,7 tỷ đồng, số còn lại: 13,8 tỷ đồng sẽ tiếp tục thực hiện.

b, Công ty con: Không có

c, Công ty liên kết: Không có

4, Tình hình tài chính

ĐVT: 1000đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	TH 2017/2016 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	419.526.327	591.526.011	141,0
2	Doanh thu thuần	194.124.688	331.912.460	171,0
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	(650.656)	1.568.115	
4	Lợi Nhuận khác	1.112.213	(71.323)	
5	Lợi nhuận trước thuế	461.557	1.496.792	324,3
6	Lợi nhuận sau thuế	364.632	429.741	117,9
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

- *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2017*

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2016
1	**Cơ cấu tài sản**	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		10,24	14,52

	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		89,76	85,48
2	**Cơ cấu nguồn vốn**	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		87,03	81,81
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		12,97	18,19
3	**Khả năng thanh toán**	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,57	0,54
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn		1,04	1,06
4	**Khả năng sinh lời**	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,07	0,09
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,13	0,19
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0,56	0,48
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		1,23	1,04

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

Hệ số thanh toán ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 là 1,04 lớn hơn 1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

Cơ cấu nguồn vốn: năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016, do vốn điều lệ thấp 35 tỷ đồng chưa phù hợp với quy mô tăng trưởng doanh hàng năm nên Công ty vẫn phải sử dụng đòn bẩy tài chính cao từ 81,81% lên 87,03 Công ty sẽ tiếp tục tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ để giảm dư nợ vay ngắn hạn.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2017 giảm hơn so với năm 2016; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 0,13%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 0,56%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đạt 1,23%.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2017 là:

Tại thời điểm 31/12/2017 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{76.741.705.440}{3.500.000} =$$

Giá trị sổ sách = 21.926 đồng (đồng/CP)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Cổ phần tại ngày 31/12/2017:

Mã chứng khoán L43

- Tổng số lượng cổ phần : 3.500.000 cổ phiếu phổ thông.
- Cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu quỹ: không có

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phiếu
- Số lượng hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đồng /cổ phiếu

b, Cơ cấu cổ đông.

* Tình hình cơ cấu cổ đông: Theo số liệu sổ CĐ chốt ngày 22/03/2018 như sau:

TT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
Tổng số lượng cổ phiếu		**3.500.000**	**100%**	**264**	**Tổ chức**	**Cá nhân**
1	**Cổ đông sở hữu từ 5% CP trở lên**	**1.963.400**	**56,09%**	**3**	**1.963.400**	**0**
	- Trong nước			*3*	***1.963.400***	
	- Ngoài nước				0	0
2	**Cổ đông khác**	**1.536.600**	**43,90%**	**261**	**16.700**	**1.519.400**
	- Trong nước	*1.536.100*	*43,90%*	*260*	*16.700*	*1.519.400*
	- Ngoài nước	*500*	*0,014%*	*1*		*500*

*** Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

TT	Loại hình cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	124 Minh Khai – TP Hà Nội	1.429.000	40,83%
2.	Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	Khu Công nghiệp Khai Quang, P Khai Quanng, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	359.400	10,26%
3	Công ty Cổ phần kiểm định kỹ thuật Việt Nam	60A Cầu Bè – TP Nha Trang – Khánh Hòa	175.000	5,00%
	Tổng cộng		**1.963.400**	

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e, Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

Là một trong những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, luôn ý thức trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, coi yếu tố môi trường là một phần quan trọng trong sản phẩm của mình.

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ban hành ngày 29/05/2015 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy cơ khí tại Dung Quất – Quảng Ngãi và thực hiện các dự án thi công tại các địa phương, Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã nghiêm chỉnh thực hiện cam kết bảo vệ môi trường như sau:

- Để đảm bảo tác động của môi trường là thấp nhất, triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng điện, nước hiệu quả nhất. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và đi vào hoạt động.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí nhất là giai đoạn hoạt động của dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải (sinh hoạt, nước mưa chảy tràn) và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung, không được xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra môi trường, đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, sản xuất, nguy hại…) theo đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường tại địa phương nơi đơn vị thi công.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT : Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	So sánh (%)	
				TH 2017/TH 2016	TH2017/ KH 2017
Tổng doanh thu	194.124	400.500	331.912	171,0	82,9
Lợi nhuận thực hiện trước thuế	462	4.700	1.496	324,3	31,8
Lợi nhuận thực hiện sau thuế	364	3.753	429	117,9	11,4

Năm 2017 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan đã ảnh hưởng đến trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trước những khó khăn về việc làm, về cạnh tranh thị trường, nhằm đảm bảo công tác báo giá, đấu thầu đạt hiệu quả cao. Những tiến bộ Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã đạt được như sau:

- Hoàn thiện quy chế quản lý Doanh nghiệp, quản lý thi công, quản lý nhân lực, quản lý kinh tế trong Công ty.
- Tổ chức thi công các công trình trọng điểm đi vào chuyên nghiệp như: Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa, dự án chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh...
- Tìm hiểu, nắm bắt kỹ lưỡng các thông tin giá cả trên thị trường, các thông tin về đối thủ cạnh tranh để đưa ra các giải pháp tối ưu nhất trong báo giá đấu thầu.
- Do vậy trong năm 2017, ngoài những hợp đồng đã ký kết từ những năm trước đang được triển khai thi công. Công ty đã ký thêm được một số hợp đồng với giá trị: **955,6 tỷ đồng (không bao gồm thuế VAT)**, cụ thể như sau :

TT	Tên công trình – Hạng mục	Giá trị HĐ (chưa bao gồm VAT)	Ghi chú
1.	Cung cấp và LĐTBCKTC cống kiểm soát triều Tân Thuận	112.861	
2.	Cung cấp và LĐTBCKTC cống kiểm soát triều Bà Bướm	8.093	
3.	Cung cấp và LĐTBCKTC cống kiểm soát triều Phú Xuân	108.595	

4.	Cung cấp và LĐTBCKTC cống kiểm soát triều Mương Chuối	193.360	
5.	Cung cấp và LĐTBCKTC cống kiểm soát triều Bến Nghé	330.686	
6.	Cung cấp và LĐTBCKTC hạng mục cống Cầu Kinh	5.719	
7.	Cung cấp và LĐTBCKTC hạng mục cống nhỏ dưới đê	6.396	
8.	Cung cấp và LĐTBCKTC cống kiểm soát triều Cây Khô	162.836	
9	Lắp đặt thiết bị cơ điện nhà máy thủy điện Sơn Tây – Quảng Ngãi	7.205	
10	Khảo sát, thiết kế, xây dựng công trình nhà máy điện gió	19.418	
11	Tháo, hiệu chỉnh, lắp đặt đại tu tổ máy H2 Nmáy thủy điện Định Bình	478	
	Tổng cộng	**955.647**	

2, Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản :

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích đánh giá hiệu qủa sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐVT : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**530.953**	**358.615**	**172.338**	**148,1**
1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	15.474	2.409	13.064	642,1
2 - Các khoản phải thu ngắn hạn	276.910	180.715	96.195	153,2
3 - Hàng tồn kho	238.568	175.490	63.078	135,9
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	**60.572**	**60.911**	**(338)**	**99,4**
1 - Các khoản phải thu dài hạn	1.891	1.662	228	113,8
2 - Tài sản cố định	30.763	27.993	2.769	109,9
3 – Tài sản dở dang dài hạn	0	3.367	(3.367)	-
4 - Đtư tài chính dài hạn	25.600	25.600	-	-
5 - Tài sản dài hạn khác	2.318	2.288	29	101,3
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**591.526**	**419.526**	**171.999**	**141,0**

- Tổng tài sản cuối kỳ so với đầu năm tăng 41,0% chủ yếu là do tăng tài sản lưu động cụ thể là: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tăng 13,0 tỷ đồng tăng 542%, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 96,1 tỷ đồng (chủ yếu tăng nợ phải thu khách hàng tăng 71,7 tỷ đồng, do ứng trước cho khách hàng mua vật tư: 23,9 tỷ đồng) tăng 53,2%; Hàng tồn kho tăng 63,0 tỷ đồng, tăng 35,9% do chưa đủ điều kiện ghi nhận vào doanh thu và kết chuyển hàng tồn kho sang giá vốn, trong đó: dự án Hangar A75 chi phí SXKD dở dang cuối kỳ: 60,9 tỷ đồng/237,9 tỷ đồng chiếm 25,6%, dự án mở rộng Gang thép Thái Nguyên 24,7 tỷ đồng chiếm 10,7%; các hạng mục của dự án chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh 70,8 tỷ đồng chiếm 29,8% chi phí SXKD dở dang đến ngày 31/12/2017.

- Tài sản dài hạn giảm do trong kỳ có thực hiện thanh lý một số tài sản cố định quá cũ và không cần dùng.

- Nợ phải thu tăng và hàng tồn kho cao (87,1%) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty.

b, Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	**514.784**	**343.196**	**171.588**	**150,1**
1 - Nợ ngắn hạn	512.131	338.712	173.418	151,2
2 - Nợ dài hạn	2.652	4.483	(1.830)	59,2
B – VỐN CHỦ SỞ HỮU	**76.741**	**76.330**	**411**	**100,5**
1 - Vốn chủ sở hữu	76.741	76.330	411	100,5
2- Vốn điều lệ	35.000	35.000	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**591.526**	**419.526**	**171.999**	**141,0**

- Tổng nguồn vốn tăng 171,9 tỷ đồng chủ yếu do nợ phải trả tăng 171,5 tỷ đồng tăng 50,1%, trong đó nợ ngắn hạn tăng 173,4 tỷ đồng, tăng 51,2%, và nợ dài hạn do thuê mua tài chính TSCĐ giảm 1,8 tỷ đồng chiếm 59,2%. Các khoản nợ phải trả tăng chủ yếu là các khoản nợ các tổ chức tín dụng, khách hàng, Tổng công ty và nợ các đội công trình, Công ty cần quyết liệt thu hồi công nợ, giảm nợ phải trả, nhằm đảm bảo an toàn và chủ động cho nguồn vốn SXKD.

- Vốn chủ sở hữu tăng 411 triệu đồng, tăng 0,5% so với đầu kỳ do lợi nhuận thấp và phải trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2016 theo quy định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Hệ số nợ phải trả bằng 6,7 lần vốn chủ sở hữu tăng so với năm 2016

c, Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 *ĐVT: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2016	TH2017/TH2016 (%)
1. Doanh thu bán hàng & CCDV	331.912	194.124	171,0
2. Giá vốn hàng bán	305.737	171.118	178,7
3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	26.174	23.006	113,8
4. Doanh thu hoạt động tài chính	91	72	127,1
5. Chi phí tài chính	16.803	15.512	108,3
- Trong đó: Lãi vay phải trả	16.503	15.507	108,0
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.894	8.216	96,1
7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	1.568	(650)	
8. Thu nhập khác	4.472	1.230	363,6
9. Chi phí khác	4.544	118	3847,8
10. Lợi nhuận khác	(71)	1.112	(6,4)
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	1.496	461	324,3
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.067	96	1100,9
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	429	364	117,9
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	123	99	118,2

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 cho thấy tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn, lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh lãi 1,5 tỷ đồng, chi phí quản lý và chi phí tài chính vẫn còn cao đang chiếm 7,5%/ tổng chi phí (24,6 tỷ đồng/330,4 tỷ đồng), do có tiền phạt chậm nộp các khoản thuế nên chi phí thuế TNDN năm 2017 là: 1,0 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận sau thuế thấp, tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 0,13% so với doanh thu thực hiện và đạt 1,2% so với vốn điều lệ.

3, Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

+ Thực hiện cải tiến cơ cấu tổ chức: Bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư, cử nhân trẻ, năng động sáng tạo trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh tốt. Phát huy quyền tự chủ của các đơn vị và cán bộ công nhân viên.

+ Kiện toàn các đội sản xuất, chuyển từ cơ chế điều hành tập trung sang cơ chế đội nhận khoán, qua đó tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của các cá nhân và hiệu quả SXKD được nâng lên rõ rệt.

+ Kịp thời điều chỉnh tiền lương cho CBCNV theo mức lương tối thiểu mới do nhà nước quy định, tăng mức ăn ca, thu nhập, tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

+ Cơ cấu, cân đối lại vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính.

- *Các biện pháp kiểm soát.*

+ Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách và các phòng nghiệp vụ liên quan.

+ Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp đội công trình thi công và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến thi công.

+ Phòng Tổ chức hành chính giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, trang bị BHLĐ...)

+ Phòng Kinh tế - Kỹ thuật phối hợp với phòng Tài chính kế toán lập dự toán thi công, dự toán giao khoán, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

+ Phòng Quản lý máy giám sát quá trình sử dụng xe, cẩu, máy móc thiết bị thi công đảm bảo tiết kiệm chi phí và an toàn, đồng thời đề xuất với Ban lãnh đạo đầu tư, mua sắm một số tiết bị, phương tiện phù hợp với nhu cầu SXKD.

+ Phòng vật tư giám sát giá mua vật tư của các đội công trình, những vật tư có giá trị lớn phải đứng ra làm thủ tục mua, bán để đảm bảo cung cấp kịp thời cho các công trình.

+ Phòng tài chính kế toán phối hợp với phòng kinh tế kỹ thuật lập dự toán giao khoán, kiểm soát quá trình ứng và thanh quyết toán các dự toán giao khoán, hướng dẫn tập hợp chi phí, hoá đơn chứng từ theo luật định.

4, Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

- Cải tiến máy móc, phương tiện thi công, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào thi công nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án.

- Xây dựng chiến lược phát triển nhân tố lao động của Công ty thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho CBCNV…

- ***Chiến lược phát triển 05 năm từ năm 2016 đến năm 2020:***

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	TH 2016	TH 2017 (*)	KH 2018 (*)	KH 2019	KH 2020
1.	Giá trị SXKD	388.249	431.486	525.857	455.780	460.338
2.	Tổng doanh thu	194.124	331.912	410.500	350.600	368.130
3.	Lợi nhuận trước thuế	461	1.497	1.550	1.375	1.513
4.	Lợi nhuận sau thuế	364	429	1.240	1.100	1.210
4.	Nộp ngân sách	4.959	16.040	14.960	15.259	15.564
5.	Đầu tư XDCB	8.979	5.313	12.700	13.970	15.367

(*) Riêng hai năm 2017 và năm 2018: Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu cao hơn so với năm 2019 và năm 2020 là do: Quý 01 năm 2017, Công ty đã ký được các Hợp đồng thi công dự án Giải quyết ngập khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1) với tổng giá trị các hợp đồng là: 930,7 tỷ đồng (bao gồm thuế VAT), dự kiến thời gian hoàn thành bàn giao công trình trong năm 2018.

- Tiếp tục giữ vững vị thế là Doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác lắp máy (Chế tạo và lắp đặt thiết bị cho các nhà máy thuỷ điện, nhà máy lọc dầu, nhà máy nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác....)

- ***Nhận định chung trong năm 2018***

- Năm 2018 nền kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, trong nước một số ngành vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi thời tiết, biến đổi khí hậu và vấn đề môi trường biển. Do vậy các chính sách của Nhà nước đều phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế mới.

- Việc hội nhập quốc tế đã nảy sinh ra những vấn đề về cạnh tranh, ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh cùng nghành nghề với Lilama, các đối thủ đó đều mạnh về tài chính, trình độ quản lý, trình độ khoa học công nghệ, nguồn nhân lực và đơn giá nhân công.

- Một số khách hàng gần đây cũng gặp khó khăn về tài chính, việc thu hồi vốn sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng trực tiếp.

Do đó Hội đồng quản trị Công ty cần thực hiện mạnh hơn các biện pháp để hoàn thành kế hoạch năm 2018 :

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt của Công ty để trên cơ sở đó điều hành các mặt sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế.

Trong năm 2018 Công ty sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	525.857	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	410.500	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.550	
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	14.960	
5	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	12.700	
6	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	119.045	

7	Lao động bình quân	Người	1.170	
8	Thu nhập BQ (người/tháng)	Triệu đồng	8,479	
9	Dự kiến cổ tức	%	0	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có ý kiến.

6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Để thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, công ty sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp để bảo vệ môi trường, thực hiện theo các Quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA45.3, HĐQT đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn. Trong năm 2017, HĐQT đã họp 12 phiên vào từng quý và bất thường, có sự tham gia của Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc và các Trưởng phòng ban.

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 diễn ra vào ngày 21/04/2017.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thông qua, Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh từng quý, đồng thời kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2017.

- Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh và ban hành các quy chế, quy định nội bộ để quản lý Công ty.
- Xây dựng và duy trì hệ thống chất lượng ISO 9001-2008.

Để ổn định về bộ máy tổ chức quản lý và duy trì sự lãnh đạo công ty, Hội đồng quản trị công ty đã quyết định:

- Công ty đã ký hợp đồng vay vốn với các Ngân hàng, về cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho SXKD và đầu tư năm 2017.

+ Phân phối lợi nhuận năm 2016: đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

+ Về việc chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm 2017: HĐQT Công ty đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

+ Về việc thông qua đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Công ty giai đoạn 2016 -2020, định hướng đến 2025 của Công ty Cổ phần LILAMA 45.3.

+ Kế hoạch, lộ trình thoái vốn tại Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn: Năm 2017 chưa thực hiện dứt điểm việc thoái vốn, do vậy tiếp tục thực hiện vào năm 2018.

+ Tích cực chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017, tuy nhiên việc thực hiện còn hạn chế, trong năm 2017 Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận. Tình hình tài chính của Công ty ngày càng khó khăn, việc nghiệm thu, thu hồi vốn chậm, công tác thanh quyết toán và bù giá còn kéo dài, chi phí ngày càng cao, thiếu hụt dòng tiền cho hoạt động SXKD, việc thanh toán các khoản nợ ngân sách không kịp thời, đang tiềm ẩn nguy cơ mất cân đối về tài chính.

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo công bố thông tin theo Luật chứng khoán kịp thời và đầy đủ.

+ Đã sửa đổi bổ sung Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

• Về công tác nhân sự của Ban Tổng giám đốc.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và quy định của pháp luật, trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã thực hiện miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc đối với ông Huỳnh Lê Hoà từ ngày 01/04/2017 để nghỉ theo chế độ.

Đồng thời với việc kiện toàn nhân sự, Ban tổng giám đốc đã chủ động phân giao nhiệm vụ cho các thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực công việc của Công ty, với vai trò là người điều hành chung Tổng giám đốc công ty luôn điều kiện cho các thành viên phát huy năng lực chuyên môn, có tính sáng tạo, làm việc độc lập, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao, từng bước nâng cao chất lượng hiệu quả công việc.

• Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc

Ban điều hành của Công ty, đứng đầu là Tổng giám đốc công ty, đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ công ty. Ban điều hành đã triển khai theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT, luôn chú trọng công tác rủi ro, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà phát triển bền vững, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để các cổ đông, các nhà đầu tư và các cơ quan chức năng thực hiện tốt được vai trò giám sát, thanh tra kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo cân đối hài hòa cho lợi ích của Cổ đông, đối tác và bạn hàng cũng như quyền lợi của Người lao động.

Tổng giám đốc thực hiện chế độ giao ban định kỳ hàng tuần với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phó các phòng ban có liên quan để chỉ đạo sát sao nhất là đối với dự án Chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện họp giao ban trực tuyến để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong thi công. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban điều hành đã chủ động đề xuất các giải pháp cần thiết để chỉ đạo SXKD, tài chính, nhân sự, tái cấu trúc vốn đầu tư.

Ngoài việc thực hiện chức năng điều hành chung, Tổng giám đốc đã rất tích cực, chủ động trong việc phát triển quan hệ đối ngoại với các cấp chính quyền địa phương,

các khách hàng, đối tác tiềm năng từ đó tìm kiếm ký kết các hợp đồng mới, tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động và giúp công ty ngày càng phát triển.

Ban tổng giám đốc chỉ đạo các bọ phận thực hiện các Báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm để kịp thời công bố thông tin theo đúng quy định.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 vẫn còn những hạn chế và tồn tại chưa khắc phục được như: Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, chưa đạt so với kế hoạch, chưa thu hồi được công nợ của công trình Nhà máy thủy điện Đrâyh'Linh 3 với giá trị là: 5,2 tỷ đồng, công trình nhà máy thủy điện La La - Quảng Trị với giá trị: 3,2 tỷ đồng, đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho 03 công trình trên theo đúng luật định, đã thu hồi được nợ gốc là 10,1 tỷ đồng tại Công ty cổ phần điện Bảo Tân, chưa thực hiện thoái được vốn tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn. Lợi nhuận thấp chưa đáp ứng được sự kỳ vọng của các cổ đông trong việc chia cổ tức.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

-Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường.

- Thực hiện điều chỉnh Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị theo tình hình thực tế.

- Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của phát luật và theo quy điều lệ của công ty;

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp.

V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành.

Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT

Ông Bùi Quốc Vương	**Chủ tịch HĐQT**
Năm sinh:	04/02/1974
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tổ 7 phường Tân Lập – Thành phố Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú:	Tổ 17 P.Trần Phú, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	12/12

Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
T08/1996 – 1998	Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.1
1999-2000	Kỹ sư GS - biệt phái cho TCty tại CT NM xi măng Nghi Sơn – Thanh Hoá
2000-2002	Kỹ sư giám sát tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I
2002-2003	Trưởng phòng tổ chức hành chính Ban Quản lý LILAMA tại Dung Quất
2003-2006	Chỉ huy trưởng tại Công trình NM ximăng Sông Gianh Quảng Bình thuộc Cty Lắp máy và XD số 7
2006- T09/2009	Trưởng phòng TC-HC Ban QL dự án LILAMA NM lọc dầu Dung Quất
T10/2009-T05/2010	Phó phòng tổ chức LĐ Cty Cổ phần LILAMA 45.3
T06/2010 – T10/2015	Thành viên HĐQT Trưởng phòng Tổ chức HC Công ty CP LILAMA 45.3
T10/2015 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 45.3
Ông Hoàng Việt	**Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)**
Ông Huỳnh Lê Hòa	**Thành viên HĐQT**
Năm sinh:	20/08/1959
Nơi sinh:	Đức Thọ, Hà Tĩnh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hoà Định Đông, Phú Hoà, Phú Yên
Địa chỉ thường trú:	250 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hoà, Phú Yên
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	
1994 – 1996	Kỹ thuật giám sát BQLDA Nhà máy xi măng Phú Yên
1997 – 1998	TP. Kinh tế - kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
1999 – 2000	TP Kinh tế tiếp thị Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3

2002 – 2003	TP. Kế hoạch đầu tư Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
2004	Phó phòng KT - KT Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
2005 – 04/2006	TP Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
05/2006 – 03/2010	TP Kinh tế - Kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 45.3
04/2010 – 04/2017	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3
04/2017 – đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần LILAMA 45.3
Ông Phạm Văn Thìn	**Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)**
Ông Huỳnh Văn Thạch	**Thành viên HĐQT**
Năm sinh:	20/12/1974
Nơi sinh:	Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Tổ 6 – Phú Thạnh – TP Nha Trang- tỉnh Khánh Hoà
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	
1997 – 1999	Nhân viên Công ty đường Khánh Hoà
1999 – 2000	Kỹ sư giám sát – Công ty Cổ phần Lilama 45.3
2000 – 2001	Kỹ sư giám sát – Công ty APAVR VN & Đông Nam Á
2002 – 2006	Phó TGĐ – Công ty ALPHA NDT
2006 – nay	Giám đốc – Công ty TNHH DVKT Việt Nam (nay là Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (Phần sở hữu cá nhân)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 22/03/2018	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Quốc Vương	CT HĐQT	0		20.000	0,57

2	Hoàng Việt	TV HĐQT	15.000	0,43	55.000	1,57
3	Huỳnh Lê Hòa	TV HĐQT	10.000	0,28	25.000	0,71
4	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT	10.000	0,28	35.000	1,00
5	Huỳnh Văn Thạch	TV HĐQT	0		0	0

b, Các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

c, Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty quyết liệt thực hiện vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát, tuy nhiên còn nhiều hạn chế do các yếu tố khách quan và chủ quan tác động. kết quả SXKD chưa hoàn thành so với kế hoạch nhưng các chỉ tiêu vẫn tăng trưởng hơn so với năm 2016. Hội đồng quản trị Công ty đã kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng và các giải pháp để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD. Trong năm 2017 các Nghị quyết, quyết định được đưa ra như sau:

TT	Số nghị quyết/ QĐ	Ngày	Nội dung
I.	**Nghị quyết**		
1.	02/2017/NQ-HĐQT	06/02/2017	- Thông qua việc chuyển nhượng tài sản trên đất trụ sở cũ 51 đường Độc Lập, TP Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
2.	02A/2017/NQ-HĐQT	11/02/2017	- Thông qua kết quả kiểm điểm nhận xét và đánh giá đối với tập thể, cá nhân tổ đại diện phần vốn nhà nước của Tcty Lắp máy Việt Nam – CTCP tại Công ty cổ phần Lilama 45.3 cho kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, kiểm điểm thực hiện chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước, kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2016.
3.	05/2017/NQ – HĐQT	28/02/2017	- Thông qua chọn đơn vị cho thuê tài chính và giá trị thuê mua tài chính đầu tư TSCĐ.
4.	09/2017/NQ – HĐQT	06/03/2017	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT năm 2016, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2017.
			- Thông qua việc ký các Hợp đồng Dự án giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1).
			-Thông qua phương án thành lập Ban dự án giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)
5.	11/2017/NQ-HĐQT	13/03/2017	- Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông, thời gian tổ chức và địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.
			- Thông qua việc chuẩn bị tài liệu cho Đại hội cổ đông

			thường niên năm 2017.
			- Thông qua việc phân công trách nhiệm thực hiện.
6.	14A/2017/NQ-HĐQT	15/03/2017	- Thông qua phương án vay vốn và bảo lãnh tại Ngân hàng BIDV Quảng Ngãi, và HĐQT uỷ quyền cho Ông Hoàng việt – TGĐ Công ty lập phương án vay vốn, bảo lãnh và ký các Hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, thế chấp cầm cố tài sản thuộc sở hữu Công ty.
7.	18/2017/NQ-HĐQT	24/03/2017	- Thông qua kết quả hoạt động SXKD và ĐTPT năm 2016, hạn mức tín dụng năm 2016; Kế hoạch SXKD và ĐTPT năm 2017; Hạn mức tín dụng năm 2017, định hướng SXKD từ năm 2016-2020 của Công ty.
			- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2016.
			- Thông qua chương trình, nội dung và tài liệu báo cáo trình Đại hội cổ đông năm 2017.
			- Thông qua ban hành kế hoạch kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật trong SXKD, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2017 cầu Công ty cổ phần Lilama 45.3.
8.	49/2017/CT-HĐQT	06/06/2017	- Thông qua dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT Quý 1 và 06 tháng đầu năm 2017.
			- Thông qua dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT 06 tháng cuối năm 2017.
			-Thông qua báo cáo thực hiện tiến độ thi công Dự án gải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1).
			- Thông qua báo cáo công tác tài chính 06 tháng đầu năm 2017, phương hướng nhiệm vụ công tác tài chính 06 tháng cuối năm 2017.
			- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017.
			- Thông qua báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
			- Thông qua dự thảo Quy chế phân cấp và quản lý đầu tư của Công ty cổ phần Lilama 45.3.
			- Thông qua một số nội dung khác.
9.	58/2017/CT-HĐQT	21/08/2017	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT 06 tháng đầu năm 2017.
			- Thông qua triển khai phương hướng nhiệm vụ SXKD và ĐTPT 06 tháng cuối năm 2017.
			- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát hoạt động SXKD và ĐTPT 06 tháng đầu năm 2017 và phương hướng

			nhiệm 06 tháng cuối năm 2017.
			- Thông qua báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 (đã soát xét) , phương hướng nhiệm vụ công tác tài chính 06 tháng cuối năm 2017.
			- Thông qua báo cáo kế hoạch công tác tiếp thị, đấu thầu, thu hồi vốn các tháng cuối năm 2017
			- Thông qua báo cáo thực hiện tiến độ thi công dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1).
			- Thông qua công tác tổ chức cán bộ 06 tháng đầu năm 2017.
			-Thông qua một số nội dung khác.
10.	60/2017/CT-HĐQT	06/10/2017	- Thông qua dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT Quý III năm 2017.
			- Thông qua triển khai kế hoạch SXKD và ĐTPT Quý IV năm 2017.
			- Thông qua báo cáo công tác tài chính Quý III năm 2017, kế hoạch công tác tài chính Quý IV năm 2017
			- Thông qua báo cáo kế hoạch thu hồi vốn Quý IV năm 2017
			- Thông qua báo cáo thực hiện tiến độ thi công dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1).
			- Thông qua một số nội dung khác.
11.	62/2017/CT-HĐQT	16/11/2017	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT 09 tháng đầu năm 2017.
			- Thông qua báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2017, kế hoạch công tác tài chính Quý IV năm 2017.
			- Thông qua báo cáo nhiệm vụ, kế hoạch công tác thu hồi vốn tháng 12 năm 2017, kế hoạch thanh toán tiền lương các tháng cuối năm 2017 và thanh toán công nợ với khách hàng.
			- Thông qua kế hoạch, phương án ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)
			- Thông qua báo cáo thực hiện tiến độ thi công dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1).
			- Thông qua báo cáo thực hiện tiến độ thi công dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1).
			- Thông qua một số nội dung khác.
12.	64/2017/NQ-HĐQT	16/11/2017	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính năm 2017.
II.	**CÁC QUYẾT ĐỊNH**		
1.	QĐ 22/2017/HĐQT	15/04/2017	- Quyết định V/v ban hành kế hoạch giám sát, kiểm soát việc chấp hành pháp luật trong sản xuất kinhn doanh,

			phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.
2.	QĐ 40/2017/HĐQT	22/05/2017	- Quyết định V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Lilama 45.3.
3.	QĐ 41/2017/HĐQT	22/05/2017	- Quyết định V/v ban hành quy chế hoạt động của HĐQT và quan hệ phối hợp với TGĐ Công ty cổ phần Lilama 45.3.
4.	QĐ 42/2017/HĐQT	22/05/2017	- Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý người đại diện vốn của Công ty cổ phần Lilama 45.3 vào đơn vị khác.
5.	QĐ 43/2017/HĐQT	22/05/2017	- Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần Lilama 45.3.
6.	QĐ 44/2017/HĐQT	22/05/2017	- Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý nợ Công ty cổ phần Lilama 45.3.
7.	QĐ 45/2017/HĐQT	23/05/2017	- Quyết định V/v ban hành chính sách quản trị rủi ro Công ty cổ phần Lilama 45.3.
8.	QĐ 46/2017/HĐQT	23/05/2017	- Quyết định V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Lilama 45.3.
9.	QĐ 47/2017/HĐQT	23/05/2017	- Quyết định V/v ban hành Quy chế bổ nhiệm. bổ nhiệm lại, điều động, từ chức miễn nhiệm chức vụ đối với cán bộ của Công ty cổ phần Lilama 45.3.
10.	QĐ 50/2017/HĐQT	01/07/2017	- Quyết định V/v ban hành Quy chế phân cấp và quản lý đầu tư Công ty cổ phần Lilama 45.3.

d, Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.
- Thường xuyên cùng Ban kiểm soát công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của công ty.
- Có ý kiến kịp thời với Ban Tổng giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

c, Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà phân công cho các uỷ viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực và tham gia trực tiếp vào các Hội đồng của công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng giao khoán.

f, Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT
2.	Hoàng Việt	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

3.	Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT - Phó tổng GĐ
4.	Huỳnh Lê Hòa	Thành viên HĐQT
5.	Huỳnh Văn Thạch	Thành viên HĐQT

2. Ban kiểm soát

a, Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

+ Bà: Phạm Thị Bích Hà Trưởng Ban kiểm soát
+ Ông: Nguyễn Mạnh Hưởng Thành viên Ban kiểm soát
+ Ông: Trần Ngọc Dũng Thành viên Ban kiểm soát

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Bích Hà	**Trưởng Ban kiểm soát**
Năm sinh:	11/01/1975
Nơi sinh:	Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Tô Hiệu, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
Địa chỉ thường trú:	Tổ 21 phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế.
Quá trình công tác:	
Từ tháng 10/1998 đến T12/2010	Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Lilama 45.3
Từ tháng 01/2011 đến tháng 04/2016	Phó phòng TC-KT- Công ty cổ phần Lilama 45.3
Từ tháng 04/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3
Ông Nguyễn Mạnh Hưởng	**Thành viên Ban kiểm soát**
Năm sinh:	1982
Nơi sinh:	Huyện Lâm Thao, Phú Thọ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Quê quán:	Trường Thịnh, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	Khu 10, Thị Trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
2004 – 2016	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
2016- nay	Kế toán trưởng – Cty CP cơ khí Lắp máy Lilama - Ninh Bình
Ông Trần Ngọc Dũng	**Thành viên Ban kiểm soát – PP Kinh tế - Kỹ thuật**
Năm sinh:	1974
Nơi sinh:	Kim Xuyên – Sơn Dương – Tuyên Quang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Sơn Đông - Lập Thạch – Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	L4K Đường Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	
T5/1996-T6/1996	Nhân viên P. Kỹ thuật – Công ty Lắp máy và XD 45-3
T6/1996-T8/1997	Kỹ thuật thi công Nhà máy đường Yaunpa – Gia Lai
T9/1997-T6/1998	Nhân viên P. KT - KT Công ty Lắp máy và XD 45-3
T7/1998-T4/1999	Đội phó đội CT Nmáy TĐ Sông Hinh – Phú yên
T5/1999-T11/1999	Kỹ thuật thi công Nm thủy điện Đa Mi – Hàm Thuận
T12/1999-T2/2001	Kỹ thuật thi công Nm đường Cam Ranh Khánh Hòa.
T3/2001-T 7/2002	NV P.Kinh tế - Tiếp thị, Công ty Lắp máy & XD 45-3.
T8/2002-T10/2003	Nhân viên Phòng KH Đầu tư – Cty LM & XD 45-3
T11/2003-T4/2005	Nhân viên P.KT- KT – Công ty LM & XD 45.3
T5/2005 – nay	Phó phòng Kinh tế kỹ thuật – Công ty CP Lilama 45.3

b, Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát công ty họp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ và quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài

chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc khi triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các đội công trình, các cổ đông trong và ngoài Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh các vấn đề có liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên...

Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính hiện hành cũng như việc tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động trong công ty.

06 tháng và cả năm, Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

c, Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên BKS (Phần sở hữu cá nhân)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 22/03/2018	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Thị Bích Hà	Trưởng BKS	5.800	0,17	2.000	0,06
2	Nguyễn Mạnh Hưởng	TV BKS	9.600	0,27	0	0
3	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	38.000	1,08	0	0

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a, Quy định mức Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát cho năm 2017.

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức lương và thù lao tối đa (đ/người/tháng)	Số tháng /năm (*)	Thành tiền (đồng)
A.	**TRƯỚC ĐẠI HỘI**				**154.230.000**
I.	**Hội đồng quản trị**				**99.600.000**
1,	Chủ tịch HĐQT – chuyên trách	01	24.000.000	3	72.000.000
2,	Thành viên HĐQT – kiêm nhiệm	04	2.300.000	3	27.600.000
II.	**Ban kiểm soát**				**51.000.000**

1,	Trưởng BKS chuyên trách	01	13.500.000	3	40.500.000
2,	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	1.750.000	3	10.500.000
III.	**Thư ký HĐQT**	**01**	**1.210.000**	3	**3.630.000**
B	**SAU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**				**480.690.000**
I.	**Hội đồng quản trị**				**298.800.000**
1,	Chủ tịch HĐQT – chuyên trách	01	24.000.000	9	216.000.000
2,	Thành viên HĐQT – kiêm nhiệm	04	9.200.000	9	82.800.000
II.	**Ban kiểm soát**				**171.000.000**
1,	Trưởng BKS chuyên trách	01	15.500.000	9	139.500.000
2,	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	1.750.000	9	31.500.000
III.	**Thư ký HĐQT**	**01**	**1.210.000**	9	**10.890.000**

(*) 03 tháng đầu năm 2017 vẫn thực hiện trả lương và thù lao theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

b, Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2017:

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao
1.	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT	310.652.250	0
2.	Hoàng Việt	TV HĐQT – Tổng GĐ	294.818.917	27.600.000
3.	Huỳnh Lê Hòa	TV HĐQT	50.044.917	27.600.000
4.	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT – PTGĐ	220.592.917	27.600.000
5.	Huỳnh Văn Thạch	TV HĐQT		27.600.000
6.	Phạm Thị Bích Hà	Trưởng BKS	196.076.500	0
7.	Ng. Mạnh Hưởng	TV BKS		21.000.000
8.	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	197.031.583	21.000.000
9.	Trần Quang Du	Phó Tổng GĐ	254.565.084	0
10.	Mạc Thanh Hải	Phó Tổng GĐ	229.894.084	0
11.	Cù Thanh Nghị	Kế toán trưởng	219.493.167	0

12.	Nguyễn Thị Lệ Thu	Thư ký HĐQT	128.916.000	14.520.000
	Tổng cộng		**2.102.085.419**	**166.920.000**

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo kiểm toán ; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

1, Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2, Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán (đính kèm).

Quý cổ đông quan tâm xem chi tiết Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán được công bố thông tin trên trang Website của Công ty theo đường link: http://www.lilama45-3.com

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 04 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

M.S.D.N:4400135344-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3 * TP.QUẢNG NGÃI-T.QUẢNG NGÃI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Quốc Vương

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 340300084 ngày 15/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 4400135344.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: lắp ráp thiết bị máy móc các công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, nhà máy lọc hóa dầu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây tải điện, trạm biến thế;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công xử lý nền móng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: trang trí nộ ngoại thất công trình;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa đưa vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh hóa chất;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng, dầu mỡ, khí công nghiệp;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân. Chi tiết: Tư vấn đầu tư và lắp đặt các dây chuyền công nghệ;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo kết cấu thép phi tiêu chuẩn;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. Chi tiết: Sản xuất bình, bể, đường ống chịu áp lực;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị nâng và thang máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, phụ tùng, dụng cụ cơ khí;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán ký gởi hàng hóa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Khảo sát địa hình công trình xây dựng; Khảo sát địa chất công trình xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm hiểu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghiệp;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Hoạt động vui chơi giải trí;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết khách sạn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2017 như sau:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	1.429.000	14.290.000.000	40,83 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.071.000	20.710.000.000	59,17 %
	3.500.000	**35.000.000.000**	**100,00 %**

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 06/02/2018, Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã có Văn bản số 63/TC-KT về việc thông báo chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đối với Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va do Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã nhiều lần gửi văn bản cho Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va để yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va vẫn không thực hiện. Theo đó, mọi quyền lợi của Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va trong Hợp đồng chuyển nhượng số 03/2016/HĐCNCP-VSI ngày 27/6/2016 sẽ bị chấm dứt và Công ty cổ phần Lilama 45.3 sẽ không có nghĩa vụ cũng như chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền đã được tạm ứng là 5.000.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Bùi Quốc Vương	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Hoàng Việt	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Phạm Văn Thìn	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Lê Hòa	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Văn Thạch	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Lê Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/4/2017
Ông Mạc Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quang Du	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Thìn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Cù Thanh Nghị	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Phạm Thị Bích Hà	Trưởng ban
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hưởng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2017 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 3 năm 2018

TM Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Hoàng Việt

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Số 3, Biệt thự 2, KĐT Pháp Vân, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.
Tell: (+84 24) 3 7670720 * (+84 24) 3 7670721

Số: 239/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.3**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 45.3, được lập ngày 15/3/2018, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

NGÔ QUANG TIẾN
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHNKT số 0448-2018-126-1

TỐNG THỊ BÍCH LAN
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHNKT số 0060-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2018

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**530.953.147.132**	**358.615.109.863**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**15.474.211.363**	**2.409.841.911**
1. Tiền	111		15.474.211.363	2.409.841.911
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**276.910.259.140**	**180.715.201.627**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	253.488.227.084	181.713.601.973
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.676.305.476	6.751.779.533
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		550.870.873	1.442.114.453
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	1.026.973.864	1.439.823.825
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(8.832.118.157)	(10.632.118.157)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.5**	**238.568.676.629**	**175.490.066.325**
1. Hàng tồn kho	141		238.568.676.629	175.490.066.325
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**60.572.864.406**	**60.911.217.677**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.891.034.000**	**1.662.050.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	1.891.034.000	1.662.050.000
II. Tài sản cố định	**220**		**30.763.305.978**	**27.993.327.709**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	19.162.091.029	15.773.051.419
- Nguyên giá	*222*		*69.961.399.171*	*64.919.441.545*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*		*(50.799.308.142)*	*(49.146.390.126)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	11.596.631.634	12.204.692.971
- Nguyên giá	*225*		*14.867.651.128*	*14.672.996.963*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*226*		*(3.271.019.494)*	*(2.468.303.992)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	4.583.315	15.583.319
- Nguyên giá	*228*		*55.000.000*	*55.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*		*(50.416.685)*	*(39.416.681)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	**3.367.247.076**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	-	3.367.247.076
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.10**	**25.600.000.000**	**25.600.000.000**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		25.600.000.000	25.600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.318.524.428**	**2.288.592.892**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.318.524.428	2.288.592.892
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**591.526.011.538**	**419.526.327.540**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**514.784.306.098**	**343.196.131.490**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**512.131.483.617**	**338.712.784.551**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	73.780.018.305	50.885.867.152
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	157.330.245.392	61.907.649.645
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.981.009.772	13.038.238.212
4. Phải trả người lao động	314		4.319.499.114	3.453.977.578
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.388.019.591	3.405.653.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.16	65.294.267.150	62.327.677.904
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	16.198.955.482	13.760.141.796
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	184.294.212.831	129.131.654.913
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		545.255.980	801.924.351
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.652.822.481**	**4.483.346.939**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	2.652.822.481	4.483.346.939
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**76.741.705.440**	**76.330.196.050**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.19	**76.741.705.440**	**76.330.196.050**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*35.000.000.000*	*35.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.277.672.000	4.277.672.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.850.136.820	32.722.515.419
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.065.725.017	2.047.493.388
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.548.171.603	2.282.515.243
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*2.118.430.584*	*1.917.882.668*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*429.741.019*	*364.632.575*
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**591.526.011.538**	**419.526.327.540**

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Sơn	Cù Thanh Nghị	Hoàng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	331.912.460.067	194.124.688.197
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		331.912.460.067	194.124.688.197
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	305.737.812.123	171.118.585.381
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.174.647.944	23.006.102.816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	91.512.274	72.015.780
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.803.617.519	15.512.354.430
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.503.129.644	15.507.676.830
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.894.427.215	8.216.420.189
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.568.115.484	(650.656.023)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.966.388.784	1.230.309.092
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.037.712.029	118.095.936
13. Lợi nhuận khác	40		(71.323.245)	1.112.213.156
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.496.792.239	461.557.133
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.067.051.220	96.924.558
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		429.741.019	364.632.575
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	123	99
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	123	99

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Sơn	Cù Thanh Nghị	Hoàng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	393.330.858.185	181.527.180.075
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(335.406.171.534)	(115.542.831.079)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(73.510.434.415)	(52.474.831.471)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(16.296.585.942)	(15.291.308.004)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(211.321.518)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	107.838.392
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.759.173.859)	(3.254.698.603)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(41.852.829.083)***	***(4.928.650.690)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(999.638.051)	(697.235.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	4.870.077.000	1.230.309.092
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	89.326.884	34.989.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***3.959.765.833***	***5.568.063.648***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	282.051.197.055	140.775.049.216
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(226.719.664.212)	(141.917.235.470)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4.374.094.896)	(4.287.790.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	***50.957.437.947***	***(5.429.976.774)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	**13.064.374.697**	**(4.790.563.816)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**2.409.841.911**	**7.200.181.619**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.245)	224.108
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**15.474.211.363**	**2.409.841.911**

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Sơn	Cù Thanh Nghị	Hoàng Việt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 340300084 ngày 15/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 4400135344.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

2. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là gia công, chế tạo kết cấu thép, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, và các văn bản pháp lý liên quan khác theo quy định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá mức độ tổn thất của Ban Tổng Giám đốc Công ty cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác	04 - 06 năm

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

b) Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thương hiệu Lilama, chi phí bảo hiểm.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập báo cáo tài chính số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0 %.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	10.446.490	1.214.555
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.463.764.873	2.408.627.356
Cộng	**15.474.211.363**	**2.409.841.911**

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty CP Cao su Đà Nẵng	-	3.024.709.700
- Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	34.458.870.572	34.565.396.292
- Công ty CP tập đoàn Đức Long Gia Lai	32.217.246.000	21.656.329.000
- Công ty CP xây dựng 47	9.412.015.121	17.660.310.600
- Công ty TNHH Trung Nam Công trình cây khô dự án	25.357.357.604	-
- Công ty TNHH Trung Nam Công trình Mương Chuối	39.294.337.575	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên Tân	7.793.667.797	22.000.611.450
- Phải thu khách hàng khác	94.374.861.272	72.216.627.725
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	8.560.488.204	10.016.331.833
- Công ty Cổ phần Lilama 10	341.682.570	341.682.570
- Công ty Cổ phần Lilama 18	1.446.097.566	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	231.602.803	231.602.803
Cộng	**253.488.227.084**	**181.713.601.973**

3. Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.026.973.864	315.963.096	1.439.823.825	315.963.096
- Phải thu khác	*621.849.142*	-	*841.668.206*	-
- Tạm ứng	*405.124.722*	*315.963.096*	*598.155.619*	*315.963.096*
b) Dài hạn	1.891.034.000	-	1.662.050.000	-
- Ký quỹ, ký cược	*1.891.034.000*	-	*1.662.050.000*	-
Cộng	**2.918.007.864**	**315.963.096**	**3.101.873.825**	**315.963.096**

4. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Tổng các khoản phải thu quá hạn thanh toán	8.832.118.157	-	18.989.344.563	8.357.226.406
Công ty CP điện Bảo Tân (Thi công Nhà máy thủy điện Đăm Bol) (1)	-	-	*10.157.226.406*	*8.357.226.406*
Công ty CP Năng lượng Mai Linh (Thi công NM thủy điện La La-Quảng Trị) (2)	*3.221.155.769*	-	*3.221.155.769*	
Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc (Thi công NM thủy điện Đrây H'Linh 3) (3)	*5.294.999.292*	-	*5.294.999.292*	
Các khoản tạm ứng	*315.963.096*	-	*315.963.096*	-
- Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.	308.203.020		308.203.020	
Công ty CP Năng lượng Mai Linh	*308.203.020*		*308.203.020*	

(1) Khoản phải thu của Công ty cổ phần điện Bảo Tân phát sinh theo hợp đồng thi công lắp đặt và cung cấp thiết bị cho nhà máy thủy điện Đambol đã ký kết thực hiện từ tháng 12/2010, thời hạn thanh toán được gia hạn đến tháng 02/2014. Tháng 12/2014 Công ty Bảo Tân đã thanh toán cho Công ty số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 24/12/2014 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt đã có quyết định số 18/QĐ-CCTHA về việc thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người thi hành án. Thời gian thực hiện từ tháng 01/2015 đến khi Công ty cổ phần điện Bảo Tân thi hành án xong. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng với số tiền 1.800.000.000 đồng. Trong năm 2017 Công ty Cổ phần điện Bảo tân đã trả hết số tiền nợ gốc và Công ty đã thực hiện hoàn nhập hết số dự phòng đã trích.

(2) Khoản phải thu của Công ty cổ phần Năng lượng Mai Linh phát sinh theo các hợp đồng xây dựng, chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công đường ống áp lực,..ký từ ngày 25/03/2010, thời hạn thanh toán được gia hạn đến tháng 6/2014. Theo Bản án số 03/2014/KDTM-ST ngày 15/09/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị thì Công ty Mai Linh phải trả nợ cho Công ty nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty Mai Linh chưa thanh toán khoản công nợ trên cho Công ty. Công ty đã trích lập dự phòng 100% với số tiền 3.221.155.769 đồng.

(3) Khoản phải thu của Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc đã được Công ty đệ đơn ra tòa án. Hiện tại, Tòa án đang tiến hành thụ lý vụ việc theo quy định của pháp luật. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% đối với khoản phải thu khó đòi này.

5. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	264.687.102	-	264.687.102	-
Công cụ, dụng cụ	400.168.258	-	459.650.258	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	237.903.821.269	-	174.765.728.965	-
Cộng	**238.568.676.629**	**-**	**175.490.066.325**	**-**

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	18.650.357.640	37.316.773.342	6.760.148.469	1.737.162.094	455.000.000	64.919.441.545
Số tăng trong kỳ	3.088.499.004	2.545.393.264	1.951.939.636	70.909.091	-	7.656.740.995
- Mua trong năm		*1.470.830.000*	-	*70.909.091*	-	*1.541.739.091*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*3.088.499.004*	*1.074.563.264*			-	*4.163.062.268*
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-		*1.951.939.636*		-	*1.951.939.636*
Số giảm trong kỳ	2.443.354.798	171.428.571	-	-	-	2.614.783.369
- Thanh lý, nhượng bán	*2.443.354.798*	*171.428.571*		-	-	*2.614.783.369*
Số dư cuối kỳ	19.295.501.846	39.690.738.035	8.712.088.105	1.808.071.185	455.000.000	69.961.399.171
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	8.140.633.027	32.646.351.094	6.462.182.464	1.711.923.600	185.299.941	49.146.390.126
Số tăng trong kỳ	772.023.484	1.825.530.970	1.092.180.236	26.294.265	90.999.972	3.807.028.927
- Khấu hao trong kỳ	*772.023.484*	*1.825.530.970*	*315.970.796*	*26.294.265*	*90.999.972*	*3.030.819.487*
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	*776.209.440*	-	-	*776.209.440*
Số giảm trong kỳ	1.982.682.340	171.428.571	-	-	-	2.154.110.911
- Thanh lý, nhượng bán	*1.982.682.340*	*171.428.571*		-	-	*2.154.110.911*
Số dư cuối kỳ	6.929.974.171	34.300.453.493	7.554.362.700	1.738.217.865	276.299.913	50.799.308.142
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	10.509.724.613	4.670.422.248	297.966.005	25.238.494	269.700.059	15.773.051.419
Tại ngày cuối kỳ	12.365.527.675	5.390.284.542	1.157.725.405	69.853.320	178.700.087	19.162.091.029

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.197.578.395 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.311.877.543 đồng

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	55.000.000	55.000.000
Số dư cuối kỳ	55.000.000	55.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	39.416.681	39.416.681
Khấu hao trong kỳ	11.000.004	11.000.004
Số dư cuối kỳ	50.416.685	50.416.685
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	15.583.319	15.583.319
Tại ngày cuối kỳ	4.583.315	4.583.315

8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	10.989.498.782	3.683.498.181	14.672.996.963
Số tăng trong kỳ	-	2.135.177.801	2.135.177.801
- Thuê tài chính		*2.135.177.801*	*2.135.177.801*
Số giảm trong kỳ	-	1.940.523.636	1.940.523.636
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		*1.940.523.636*	*1.940.523.636*
Số dư cuối kỳ	10.989.498.782	3.878.152.346	14.867.651.128
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.314.741.454	1.153.562.538	2.468.303.992
Số tăng trong kỳ	1.098.949.884	479.975.058	1.578.924.942
- Khấu hao trong kỳ	*1.098.949.884*	*479.975.058*	*1.578.924.942*
Số giảm trong kỳ	-	776.209.440	776.209.440
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		*776.209.440*	*776.209.440*
Số dư cuối kỳ	2.413.691.338	857.328.156	3.271.019.494
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	9.674.757.328	2.529.935.643	12.204.692.971
Tại ngày cuối kỳ	8.575.807.444	3.020.824.190	11.596.631.634

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
a/ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b/ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	3.367.247.076
- Dự án kho bãi dịch vụ kỹ thuật Dung Quất- Giai đoạn 1	-	*42.746.411*
- Dự án kho bãi dịch vụ kỹ thuật Dung Quất- Giai đoạn 2	-	*2.413.386.361*
- Chế tạo cẩu trục 25 tấn	-	*911.114.304*
Cộng	**-**	**3.367.247.076**

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	dự phòng	giá trị hợp lý	Giá gốc	dự phòng	giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác	**25.600.000.000**			**25.600.000.000**		
+ Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn (*)	25.600.000.000			25.600.000.000		
Cộng	**25.600.000.000**			**25.600.000.000**		

(*) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn đầu tư dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 5 công suất 28MW trên sông Côn, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạch, tỉnh Bình Định. Tổng số vốn góp tại ngày 31/12/2017 là 25.600.000.000 đồng và 512.000.000 đồng cổ tức bằng cổ phần tương đương với 2.611.200 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn. Ngày 27/06/2016 Công ty đã ký hợp đồng số 03/2016/HĐCNCP-VSI với Công ty CP Thuỷ điện Chu Va về việc chuyển nhượng toàn bộ 2.611.200 cổ phần Công ty đang đầu tư vào Công ty CP đầu tư Vĩnh Sơn cho Công ty CP Thuỷ điện Chu Va. Trong năm 2016 Công ty đã được Công ty CP Thuỷ điện Chu Va tạm ứng 5.000.000.000 đồng tiền mua cổ phần. Đến thời điểm 31/12/2017 việc chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất.

Ngày 06/02/2018, Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã có Văn bản số 63/TC-KT về việc thông báo chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đối với Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va do Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã nhiều lần gửi văn bản cho Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va để yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va vẫn không thực hiện. Theo đó, mọi quyền lợi của Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va trong Hợp đồng chuyển nhượng số 03/2016/HĐCNCP-VSI ngày 27/6/2016 sẽ bị chấm dứt và Công ty cổ phần Lilama 45.3 sẽ không có nghĩa vụ cũng như chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền đã được tạm ứng là 5.000.000.000 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
- Chi phí bảo hiểm tài sản cố đinh thuê tài chính	113.806.791	175.374.891
- Chi phí thuê đất tại Dung Quất	2.056.104.001	2.113.218.001
- Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty tại Quảng Ngãi	148.613.636	-
Cộng	**2.318.524.428**	**2.288.592.892**

12. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH TM&DVKT điện CN Tuấn Huy	3.291.054.604	3.291.054.604	4.291.054.604	4.291.054.604
Công ty CP SX & TM Hoàng Đạt	9.083.248.807	9.083.248.807	3.616.965.740	3.616.965.740
Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	5.697.238.857	5.697.238.857	13.369.178.432	13.369.178.432
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Phúc An	11.507.204.857	11.507.204.857	-	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng lắp mắy IDICO.	7.772.378.285	7.772.378.285	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	30.824.967.550	30.824.967.550	26.617.722.502	26.617.722.502
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	-	-	523.292.000	523.292.000
Công ty Cổ phần Lilama 7	2.467.653.874	2.467.653.874	2.467.653.874	2.467.653.874
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.136.271.471	3.136.271.471	-	-
Cộng	**73.780.018.305**	**73.780.018.305**	**50.885.867.152**	**50.885.867.152**

13. Người mua trả tiền trước

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH Trung Nam	122.382.389.933	122.382.389.933	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên tân	17.432.540.121	17.432.540.121	25.650.373.668	25.650.373.668
Phải trả người bán ngắn hạn khác	9.347.474.499	9.347.474.499	25.992.940.219	25.992.940.219
b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan				
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	5.043.830.236	5.043.830.236	7.140.325.155	7.140.325.155
Công ty CP Lilama 45.1	3.124.010.603	3.124.010.603	3.124.010.603	3.124.010.603
Cộng	**157.330.245.392**	**157.330.245.392**	**61.907.649.645**	**61.907.649.645**

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2017
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	9.352.831.656	4.381.791.114	12.608.423.953	1.126.198.817
Thuế thu nhập doanh nghiệp	376.251.396	1.067.051.220	211.321.518	1.231.981.098
Thuế thu nhập cá nhân	2.094.714.426	497.179.560	1.339.498.745	1.252.395.241
Thuế tài nguyên	-			-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	621.941.481	222.650.666	678.007.306	166.584.841
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	4.000.000	4.000.000	8.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	588.499.253	3.810.140.732	1.194.790.210	3.203.849.775
Cộng	**13.038.238.212**	**9.982.813.292**	**16.040.041.732**	**6.981.009.772**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	**3.388.019.591**	**3.405.653.000**
- Trích trước chi phí các công trình	3.388.019.591	3.405.653.000
Công trình lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Cẩm Thủy	*1.000.000.000*	-
Công trình lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Tàd chi - Lào	*284.462.441*	-
Cung cấp lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Trung Sơn	*150.000.000*	*1.438.389.500*
Cung cấp lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Trung Thu	*180.000.000*	*382.684.500*
Cung cấp lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Đăk Pô Cô	*335.000.000*	*1.500.000.000*
Tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển, lắp đặt nhà máy đường Đăk Lăk	*1.175.895.167*	-
Cung cấp lắp đặt, thiết bị nhà máy thủy điện Đồng Nai	*181.631.983*	-
Thù lao HĐQT	*81.030.000*	*84.579.000*
Cộng	**3.388.019.591**	**3.405.653.000**

16. Phải trả nội bộ ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Phải trả Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP về tiền vay	26.754.833.921	26.988.939.175
Phải trả các đội công trình	38.539.433.229	35.338.738.729
Cộng	**65.294.267.150**	**62.327.677.904**

17. Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	786.521.999	562.040.153
Bảo hiểm xã hội	6.141.405.449	7.124.708.089
Bảo hiểm thất nghiệp	663.124.296	228.080.265
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.930.048.470	4.596.081.678
+ Phải trả TCT Lắp Máy Việt Nam - CTCP về lãi vay	*422.912.528*	*216.368.826*
+ Cổ tức phải trả	*147.218.995*	*147.218.995*
+ Phải trả khác	*6.359.916.947*	*4.232.493.857*
Cộng	**16.198.955.482**	**13.760.141.796**

18. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017				01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**184.294.212.831**	**184.294.212.831**	**285.294.717.026**	**230.132.159.108**	**129.131.654.913**	**129.131.654.913**
+ Vay ngắn hạn (1)						
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Quảng	123.739.947.828	123.739.947.828	196.295.227.504	144.596.951.238	72.041.671.562	72.041.671.562
- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Đà Nẵng	51.463.298.413	51.463.298.413	79.586.011.367	82.122.712.974	54.000.000.020	54.000.000.020
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Khánh Hòa	6.169.958.184	6.169.958.184	6.169.958.184	-	-	-
+ Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả (2)						
- Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam	2.921.008.406	2.921.008.406	3.243.519.971	3.412.494.896	3.089.983.331	3.089.983.331
b) Vay dài hạn	**2.652.822.481**	**2.652.822.481**	**2.374.595.513**	**4.205.119.971**	**4.483.346.939**	**4.483.346.939**
+ Nợ thuê tài chính dài hạn (2)						
- Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam	2.652.822.481	2.652.822.481	2.374.595.513	4.205.119.971	4.483.346.939	4.483.346.939

(1) Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi số hợp đồng vay 01/2017/711798/HĐTD ngày 12/9/2017 Hạn mức tín dụng 391.000.000.000 đồng thời hạn vay 11 tháng, lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Khoản vay được thế chấp bằng các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với toàn bộ cổ phiếu đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu số 02/2017/711798/HĐBĐ ngày 01/8/2017 và quyền đòi nợ các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/711798/HĐBĐ ngày 9/6/2017. Dư nợ tại thời điểm 31/12/2017 là 123.739.947.828 đồng.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Đà Nẵng số hợp đồng vay 02/2017/HĐTD ngày 18/9/2017, hạn mức tín dụng 54.000.000.000 đồng thời hạn vay 11 tháng, lãi suất theo thông báo của ngân hàng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, hình thức vay bằng tài sản đảm bảo, dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2017 là 51.463.298.413 đồng

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Khánh Hòa số hợp đồng vay 657/2017/HĐHM - PN/SHB.120300 ngày 26/12/2017, hạn mức tín dụng 16.000.000.000 đồng thời hạn vay 10 tháng, lãi suất theo thông báo của ngân hàng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, vay theo hình thức tín chấp. Dư nợ gốc vay tại 31/12/2017 là 6.169.958.184 đồng

(2) Thông tin các khoản nợ thuê tài chính

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất vay/năm	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2017	Nợ dài hạn đến hạn trả 2018	Tài sản đảm bảo
2013-00141-001	14/01/2013	48 tháng	10,77%	-	-	Xe tải gắn cẩu Dong feng
2013-00117-001	17/09/2013	48 tháng	11%	-	-	Xe ôtô đầu kéo và Rơ mooc
2015-00021-001	09/02/2015	48 tháng	9,13%	1.331.440.952	1.201.196.311	Cần trục bánh lốp SANY 50 tấn
2016-00030-001	30/03/2016	48 tháng	9,02%	3.151.905.987	1.259.815.204	Cần trục bánh lốp Liebher LTM 1080N 80 tấn
2017-00027-001	23/03/2017	36 tháng	7,80%	1.090.483.948	459.996.891	Xe ô tô Mercedes - Ben E200
Cộng				**5.573.830.887**	**2.921.008.406**	

Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	31/12/2017			01/01/2017		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	3.295.015.741	374.007.335	2.921.008.406	3.670.387.312	580.403.981	3.089.983.331
- Trên 1 năm đến 5 năm	2.817.780.949	164.958.468	2.652.822.481	4.931.637.116	448.290.177	4.483.346.939
- Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Qũy đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa Phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**35.000.000.000**	**4.277.672.000**	**32.638.127.003**	**2.035.437.900**	**2.026.382.060**	**75.977.618.963**
Tăng vốn năm trước	-	-	84.388.416	12.055.488	364.632.575	461.076.479
- Lãi trong năm trước	-	-	-		*364.632.575*	*364.632.575*
- Trích các quỹ	-	-	*84.388.416*	*12.055.488*	-	*96.443.904*
- Tăng khác	-	-	-		-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	108.499.392	108.499.392
- Phân phối LN	-	-	-		*108.499.392*	*108.499.392*
Số dư cuối năm trước	**35.000.000.000**	**4.277.672.000**	**32.722.515.419**	**2.047.493.388**	**2.282.515.243**	**76.330.196.050**
Tăng vốn trong kỳ	-	-	127.621.401	18.231.629	429.741.019	575.594.049
- Lãi trong kỳ		-	-		*429.741.019*	*429.741.019*
- Trích các quỹ	-	-	*127.621.401*	*18.231.629*	-	*145.853.030*
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	164.084.659	164.084.659
- Phân phối LN (1)	-	-	-	-	*164.084.659*	*164.084.659*
- Giảm khác	-	-	-	-		-
Số dư cuối kỳ	**35.000.000.000**	**4.277.672.000**	**32.850.136.820**	**2.065.725.017**	**2.548.171.603**	**76.741.705.440**

(1) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 như sau:

- Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ	18.231.629	đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển	127.621.401	đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.231.629	đồng
Cộng	**164.084.659**	**đồng**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	14.290.000.000	14.290.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	20.710.000.000	20.710.000.000
Cộng	**35.000.000.000**	**35.000.000.000**

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm nay	Năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	*3.500.000*	*3.500.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	*3.500.000*	*3.500.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	31/12/2017	01/01/2017
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	139,85	150,27

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	**331.912.460.067**	**194.124.688.197**
Doanh thu hoạt động xây lắp	331.912.460.067	194.124.688.197
Trong đó doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ với các bên liên quan		
Tổng công ty lắp máy Việt Nam- CTCP	11.816.595.878	29.113.625.221
Công ty CP Lilama 18	12.563.935.081	1.257.000.098
Công ty CP Lilama 7	-	185.380.000

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây lắp	305.737.812.123	171.118.585.381
Cộng	**305.737.812.123**	**171.118.585.381**

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	89.326.884	34.989.556
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.185.390	37.026.224
Cộng	**91.512.274**	**72.015.780**

4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	16.503.129.644	15.507.676.830
Chiết khấu thanh toán trả chậm	250.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	50.487.875	4.677.600
Cộng	**16.803.617.519**	**15.512.354.430**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.793.120.265	5.696.687.105
Chi phí quản lý khác	2.101.306.950	2.519.733.084
Cộng	**7.894.427.215**	**8.216.420.189**

6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	3.920.933.905	-
Các khoản khác	45.454.879	1.230.309.092
Cộng	**3.966.388.784**	**1.230.309.092**

7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp thuế	3.811.704.969	-
Các khoản khác	226.007.060	118.095.936
Cộng	**4.037.712.029**	**118.095.936**

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	1.496.792.239	461.557.133
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	3.838.463.859	23.065.656
b1. Các khoản điều chỉnh tăng	3.838.463.859	23.065.656
- Phạt chậm nộp thuế	*3.811.704.969*	*23.065.656*
- Khấu hao vượt mức quy định	*26.758.890*	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	5.335.256.098	484.622.789
d. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
e. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (c*d)	**1.067.051.220**	**96.924.558**

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	429.741.019	364.632.575
b/ Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
c/ Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	429.741.019	364.632.575
d/ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ	-	18.231.629
e/ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
f/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu {=(c-d)/e}	123	99
g/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu {=(c-d)/e}	123	99

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ này chưa tính tới ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi do chưa được phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	208.466.460.107	91.167.183.890
Chi phí nhân công	80.409.970.419	86.915.779.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.620.744.433	5.015.680.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	68.147.276.473	7.209.176.502
Chi phí khác bằng tiền	15.125.880.210	7.379.090.799
Cộng	**376.770.331.642**	**197.686.911.653**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 06/02/2018, Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã có Văn bản số 63/TC-KT về việc thông báo chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đối với Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va do Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã nhiều lần gửi văn bản cho Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va để yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va vẫn không thực hiện. Theo đó, mọi quyền lợi của Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va trong Hợp đồng chuyển nhượng số 03/2016/HĐCNCP-VSI ngày 27/6/2016 sẽ bị chấm dứt và Công ty cổ phần Lilama 45.3 sẽ không có nghĩa vụ cũng như chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền đã được tạm ứng là 5.000.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Cổ đông góp vốn	Doanh thu xây lắp	11.816.595.878
			Thu tiền khối lượng	8.256.847.817
			Bù trừ công nợ	3.610.886.704
			Đào tạo thợ hàn, an toàn lao động	380.912.465
			Mua khí công nghiệp, bảo hộ lao động	431.070.000
			Lãi vay vốn lưu động	2.544.722.949
			Sử dụng nhãn hiệu đăng tải thông tin	71.824.938
2	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Đơn vị thành viên của cổ đông góp vốn	Thuê gia công chế tạo	4.505.277.782
			Trả tiền thuê gia công	13.555.572.373
3	Công ty CP Lilama 45.4	Đơn vị thành viên của cổ đông góp vốn	Thuê vận chuyển	4.736.271.471
			Trả tiền vận chuyển	1.600.000.000
4	Công ty Cổ phần Lilama 18	Đơn vị thành viên của cổ đông góp vốn	Doanh thu xây lắp	12.563.935.081
			Thu tiền khối lượng	10.465.720.018

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị	986.509.001	1.106.264.104
Tiền lương thù lao ban kiểm soát, thư kí	578.544.083	428.474.437
Cộng	**1.565.053.084**	**1.534.738.541**

3. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế xã hội và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

4. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ và số liệu năm trước được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Sơn	Cù Thanh Nghị	Hoàng Việt